

Bản án số: 42/2018/HS- ST
Ngày 17 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Xuân T

Các Hội thẩm: Ông Hoàng Đăng Đ
Ông Nguyễn Văn T

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị H– Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Gia Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị L- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2018/TLST- HS ngày 25/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST- HS ngày 02/10/2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

- Nơi ĐKKHKT: số 203 N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

- Nơi cư trú: khu C, phường V, thành phố B, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang Y, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; Có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: không;

- Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 202 ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B và Bản án phúc thẩm số 96 ngày 11/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh B, xử y án sơ thẩm phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong Bản án ngày 19/3/2015, đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2018 đến nay. Có mặt.

2. Chu Hải L, sinh năm 1998; Sinh trú quán: Thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn S, sinh

năm 1969 và bà Lê Thị H, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Chu Văn S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Chí M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn Y, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Hải L và Nguyễn Văn T là bạn bè xã hội với nhau. Khoảng giữa tháng 05/2018, L và T cùng thuê phòng trọ số 3 tại nhà trọ của ông Nguyễn Xuân Th ở thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh để ở. Khoảng 16 giờ ngày 20/5/2018, do không có tiền chi tiêu nên L bảo T “anh xem có mượn được ở đâu chiếc xe máy để mang về đem đi cấm lấy tiền”, T đồng ý. Lúc này, T nảy sinh ý định sẽ đến nhà anh Nguyễn Như Tr (là người T quen biết từ trước), ở thôn N, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh chơi và mượn xe mô tô của anh Tr để đem đi cấm. Vì vậy, T bàn bạc và thống nhất với L về việc khi T đến nhà anh Tr, T sẽ nháy máy cho L để L gọi lại cho T, bảo T đi đón L, mục đích để T có lý do mượn được xe của anh Tr. Sau đó, T mượn 01 điện thoại Qmobile có gắn thẻ sim có số thuê bao là 0965622532 của L gọi cho anh Tr nhưng vợ anh Tr nghe máy và nói anh Tr đi ăn cỗ, không có ở nhà nên T bảo với L để sang mai (tức ngày 21/5/2018). Đến khoảng 08 giờ ngày 21/5/2018, T và L đang ở phòng trọ số 03, thì T dùng điện thoại Qmobile mượn của L trước đó, gọi cho anh Tr và bảo sẽ đến nhà chơi, anh Tr đồng ý. Vì vậy, T bảo L gọi taxi cho T để đến nhà anh Tr, L đồng ý và dùng điện thoại có số thuê bao 0981483551 gọi anh Nguyễn Như Tân T1, ở số 23 chợ L -V Đoàn – T –Bắc Ninh, chờ T đi. Trước khi đi, T cầm theo điện thoại Qmobile có gắn thẻ sim có số thuê bao là 0965622532 của L và dặn L khi nào T nháy máy thì gọi lại cho T, L hiểu ý của T như đã bàn bạc từ trước. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi về đến ngã ba đường thôn N, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh gần nhà anh Tr thì T bảo anh T1 đỗ xe chờ ở đó để T đi vào nhà anh Tr. Khi vào nhà anh Tr, T gặp anh Tr và được anh Tr mời ở lại ăn cơm, T đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, T nháy máy cho L thì L gọi lại cho T và bảo T đi đón L như đã bàn bạc trước

đó. Sau đó, T bảo anh Tr cho mượn xe để đi đón bạn về nhà anh Tr ăn cơm, anh Tr đồng ý và giao xe và chìa khóa mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1- 4418 cho T. T điều khiển xe mô tô trên đi qua chỗ anh T1 đang đỗ xe nhưng không nói gì với anh T1, rồi đi thẳng về phòng trọ. Trên đường đi, T tắt điện thoại để anh Tr không gọi đòi xe được. Khi về đến phòng trọ số 03, T bảo L đi cầm xe mô tô trên để lấy tiền, L đồng ý, đồng thời L bảo T tháo 02 gương xe mô tô trên để thay đổi đặc điểm xe, tránh bị người khác phát hiện nên T đã tháo ra và cất ở gầm giường trong phòng trọ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, L gọi điện cho anh Nguyễn Chí M ở thôn Y, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh hỏi vay tiền của anh M và để lại xe mô tô để làm tin, anh M đồng ý. Sau đó, anh M hẹn L đến khu vực trước cửa nhà nghỉ Sao Việt thuộc thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh giao tiền cho L. Trước khi đi cầm xe, L rủ thêm Tr1 (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) là bạn của D và Tr 2(đều không rõ tên, tuổi, địa chỉ, đang thuê và ở phòng trọ số 01 nhà ông Th, trước đó Tr2 thỉnh thoảng đến chơi) đi cùng và tháo 02 gương chiếu hậu của xe, rồi đem cất vào gầm giường ngủ trong phòng trọ số 03 để tránh bị mọi người phát hiện. Tại địa điểm như đã hẹn từ trước với anh M, L và Tr2 giao chìa khóa và xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1-4418 cho anh M, anh M đưa cho L 2.000.000 đồng, L cầm tiền rồi cùng Tr2 đi taxi về phòng trọ số 03. Tại phòng trọ số 03, L đưa cho T 500.000 đồng để chi tiêu cá nhân hết, còn 1.500.000 đồng L cầm và cùng với T, chi tiêu cá nhân hết nên không có khả năng chuộc lại xe mô tô để trả lại cho anh Tr.

Anh Nguyễn Như T1, khi thấy T điều khiển xe mô tô một mình từ nhà anh Tr đi ra qua chỗ anh đang đứng chờ nhưng T không nói gì nên anh đã đi vào nhà anh Tr hỏi thì biết việc T mượn xe mô tô của anh Tr. Do chờ lâu không thấy T quay lại nên anh Tr đã gọi điện thoại cho T vào số 0965622532 trước đó anh T thường liên lạc với T nhưng không liên lạc được. Vì vậy, anh T1 cho anh Tr số điện thoại 0981483551 mà trước đó L gọi cho anh T1 đến đón T, thì L nghe máy, rồi tắt máy. Đến đêm ngày 29/5/2018, anh T1 tìm gặp được T đang ở nhà nghỉ Ngọc Anh ở khu đô thị P, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh và liên hệ với anh Tr đến cùng đưa T về Công an huyện G để giải quyết.

Ngày 29/5/2018, anh Nguyễn Như Tr đã có đơn trình báo Công an huyện G về sự việc anh bị Nguyễn Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1-4418 của anh như đã nêu trên.

Ngày 09/6/2018 , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã triệu tập Chu Hải L đến làm việc, L đã tự giác giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, màn hình màu đen, không có nắp ốp lưng; 01

thẻ sim điện thoại 4G Viettel đã qua sử dụng, có dòng chữ số 8984 0480 0001 4087 975, số thuê bao 0981483551.

Trong quá trình giải quyết, T đã bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 25/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định truy nã bị can số 02 đối với Nguyễn Văn T. Ngày 30/7/2018, phòng PC 52 Công an tỉnh Bắc Ninh đã bắt truy nã đối với T.

Ngày 01/6/2018, anh Nguyễn Chí M đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G: 01 xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1-4418, số máy 43E-1302840, số khung: AY078440, không có gương chiếu hậu.

Tại kết luận định giá tài sản số 11 ngày 13/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1-4418, số máy 43E-1302840, số khung: AY078440, không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng từ tháng 4/2010, có giá trị thực tế còn lại là 5.633.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 42/ CTr- VKS- GB ngày 25/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Chu Hải L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Chu Hải L và Nguyễn Văn T thừa nhận: Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 16 giờ ngày 20/5/2018 L bảo T đi mượn xe mô tô để đem đi cầm lấy tiền, T đồng ý và nảy sinh ý định sẽ đến nhà anh Nguyễn Như Tr chơi và mượn xe mô tô của anh Tr để đem đi cầm. Đồng thời, T và L bàn bạc, thống nhất, T sẽ dùng điện thoại của L để L gọi lại cho T, bảo T đi đón L, mục đích để cho anh Tr tin và cho T mượn xe mô tô đi đón L. Vì vậy, đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, khi T đang ở nhà anh Tr thì T đã dùng thủ đoạn gian dối như đã bàn bạc từ trước với L, cụ thể: T bảo anh Tr cho mượn xe để đi đón bạn về nhà anh Tr ăn cơm, anh Tr đồng ý và giao xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1-4418 cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên về phòng trọ số 03 giao xe mô tô trên cho L cùng với Tr1 (không rõ tên, tuổi địa chỉ) đem đi cầm cho Nguyễn Chí M ở thôn Y, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, lấy 2.000.000 đồng. Số tiền cầm xe có được L đưa cho T 500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết, số tiền 1.500.000 đồng L cầm và mua đồ ăn hết cho T, Tr1 và L nên không có khả năng chuộc lại xe mô tô để trả lại cho anh Tr.

Anh Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xét xử vắng mặt anh Tr xác nhận đã nhận lại được toàn bộ tài sản đã

chiếm đoạt, anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Chu Hải L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Chu Hải L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Chu Hải L.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo L phải bồi thường cho anh M số tiền là 2.000.000đ.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc thẻ sim điện thoại 4G Viettel đã qua sử dụng có dòng chữ số: 8984 0480 0001 4087 975, số thuê bao 0981483551, tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi nghe bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, trong phần tranh luận các bị cáo T và L không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Thắng xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội, bị cáo Linh xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan không trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt người bị hại, người liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo T và L nhận tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật thu hồi được, kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên ngày 20/5/2018 L đã rủ T cùng nhau tìm cách mượn xe mô tô của người khác sau đó đem đi bán, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối làm cho anh Nguyễn Như Trtin là sự thật và giao xe mô tô cho T và L mượn. Sau khi mượn được xe, T và L đã bàn bạc để L mang xe cầm cố cho anh Nguyễn Chí M lấy tiền tiêu xài. Giá trị chiếc xe mô tô mà các bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Như Tr là 5.633.000đ. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Chu Hải L đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Với bản tính lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo bất chấp pháp luật, đưa ra những thông tin gian dối nhằm dễ dàng chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh và ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, cần có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét thấy đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, mặc dù các bị cáo có sự bàn bạc, L là người đề xuất, T là người trực tiếp thực hiện tội phạm, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công vai trò, trách nhiệm khi thực hiện, do vậy không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, vai trò các bị cáo trong vụ án là ngang nhau.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, HĐXX nhận định:

Bị cáo T và L trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Các bị cáo đều được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có ông ngoại là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bị cáo L đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự ngày 01/02/2018, có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng khi lượng hình.

Ngoài ra đối với bị cáo L đây là lần đầu tiên phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy cần cho Linh được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy khi lượng hình HĐXX sẽ cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo L trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T là người có nhân thân xấu: Bản án số 202 ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B và Bản án phúc thẩm số 96 ngày 11/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh B, xử y án sơ thẩm phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong Bản án ngày 19/3/2015, đến nay đã được xóa án tích. Tuy không bị coi là tái phạm nhưng cũng cần đánh giá T là người có nhân thân xấu. Hơn nữa sau khi thực hiện hành vi phạm tội T đã bỏ trốn gây khó khăn cho hoạt động điều tra, phát hiện tội phạm, do vậy cần đánh giá Thắng là người có ý thức coi thường pháp luật và khả năng khó giáo dục, cải tạo.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, bản thân các bị cáo thuê nhà trọ để tụ tập mà không có công việc cụ thể, điều đó thể hiện bản tính lười lao động, lối sống buông thả của các bị cáo, nên cần có mức án cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Như Tr đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Chí M là người đã cho bị cáo L vay số tiền 2.000.000đ, anh M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra anh M yêu cầu L phải trả anh số tiền này. Tại phiên tòa bị cáo L cũng nhất trí trả anh M 2.000.000đ. Do vậy, cần buộc bị cáo L phải có trách nhiệm trả anh M số tiền 2.000.000đ.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, là tài sản của L sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu xung quỹ Nhà nước; đối với 01 thẻ sim điện thoại 4G Viettel đã qua sử dụng, là thẻ sim L mượn của ông Chu Văn S, nhưng ông S không đề nghị nhận lại, xét giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với 02 gương chiếu hậu của xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1- 4418, T đã cho một người không quen biết; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0965622532 của L, L vứt ở đâu không nhớ và 01 điện thoại Qmobile T mượn của L sử dụng để liên lạc, đến nay các tài sản này không thu hồi được, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[11] Đối với 01 xe mô tô Honda Wave S màu xám đen, BKS 99 N1- 4418 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Như Tr, cơ quan công an huyện G đã trả lại cho anh Tr là phù hợp.

[12] Liên quan vụ án này, có ông Chu Văn S là người cho L mượn sim điện thoại nhưng ông không biết L mượn để liên lạc với T về việc đi chiếm đoạt tài sản của người khác; anh Nguyễn Như Tân T1 là người lái xe taxi chở T đến nhà anh Tr nhưng anh T1 không biết mục đích T đến nhà anh Tr để mượn xe mô tô đem đi cấm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không xem xét xử lý là phù hợp.

[13] Đối với Nguyễn Chí M là người L khai nhận đã cho L vay 2.000.000 đồng và nhận cầm chiếc xe mô tô Honda Wave S màu xám đen BKS 99N1-4418 của L. Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa M với L, M khai nhận chỉ cho L mượn tiền, việc L tự nguyện giao chiếc xe mô tô cho anh chỉ để làm tin và không biết nguồn gốc xe mô tô L để lại là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không xem xét xử lý là phù hợp.

[14] Đối với đối tượng tên Tr1 là người L khai nhận Tr1 cùng đi với L cầm chiếc xe mô tô trên của anh Tr và cùng với T, L chi tiêu số tiền cầm xe có được, nhưng L không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, quá trình xác minh tại xã Đ xác định trong khoảng tháng 5/2018 không có đối tượng nào tên Tr1 khai báo tạm trú ở địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa có đủ căn cứ để xử lý, khi nào điều tra làm rõ sẽ xem xét xử lý sau.

[15] Đối với ông Nguyễn Xuân Th1 là người cho các đối tượng D, Tr2, Tr1, T, L thuê phòng trọ từ giữa tháng 5/2018 đến đầu tháng 6/2018 nhưng không thực hiện việc thông báo lưu trú với cơ quan công an theo quy định khi có người đến lưu trú là vi phạm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định 167 năm 2013 của Chính phủ và thuộc thẩm quyền xử lý của Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên Công an huyện G không xem xét giải quyết.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét các ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng, về hình phạt bổ sung là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Chu Hải L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2018 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/10/2018 để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Chu Hải L06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự: Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Chu Hải L từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 166; Điều 275 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Chu Hải L có trách nhiệm trả anh Nguyễn Chí M số tiền là 2.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc thẻ sim điện thoại 4G VIETTEL đã qua sử dụng, có dòng chữ số: 8984 0480 0001 4087 975, số thuê bao 0981483551.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, màn hình màu đen, không có nắp ốp lưng.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng biên bản giao nhận vật chứng vụ án hình sự ngày 26/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình

sự: Bị cáo Nguyễn Văn T và Chu Hải L mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THA huyện G (án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HSAV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Đinh Xuân T